

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 853.95 tỷ đồng, tập trung tại MSN, VHM, MWG.

## [Hợp đồng tương lai/Phái sinh]

Khối ngoại mua ròng 338 HĐTL VN30F2411 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 7,840 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 848 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 23,967 hợp đồng.

## [Quan điểm đầu tư]

NDT hạn chế mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, chỉ trải lệnh giải ngân gối đầu 1 phần tỷ trọng trading khi chỉ số/cổ phiếu lui về các ngưỡng hỗ trợ xa.

05/11/2024

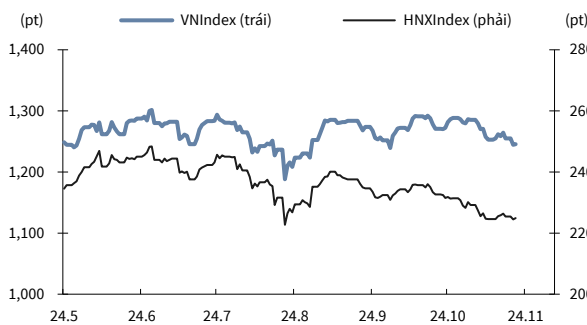
|                          | Chỉ số   | Thay đổi<br>(%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex                  | 1,245.76 | +0.08               |
| VN30                     | 1,313.35 | +0.05               |
| HĐTL VN30F1M             | 1,319.00 | +0.04               |
| HNXIndex                 | 224.86   | +0.18               |
| HNX30                    | 482.05   | +0.02               |
| UPCoM                    | 91.90    | +0.32               |
| USD/VND                  | 25,343   | +0.09               |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.71     | +1                  |
| Lãi suất qua đêm (%)     | 4.97     | -53                 |
| Dầu (WTI, \$)            | 71.67    | +0.28               |
| Vàng (LME, \$)           | 2,732.83 | -0.14               |



# Tổng quan thị trường

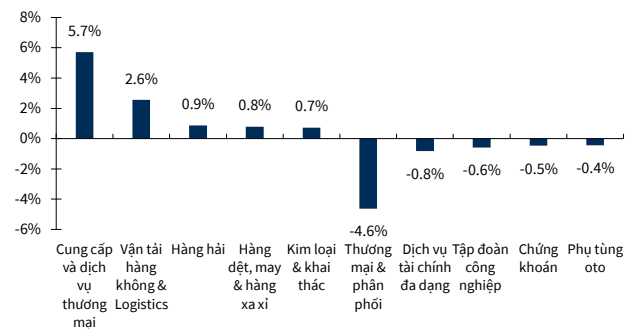
## Chỉ số, nhóm ngành, khối ngoại và phái sinh

### VNIndex & HNXIndex



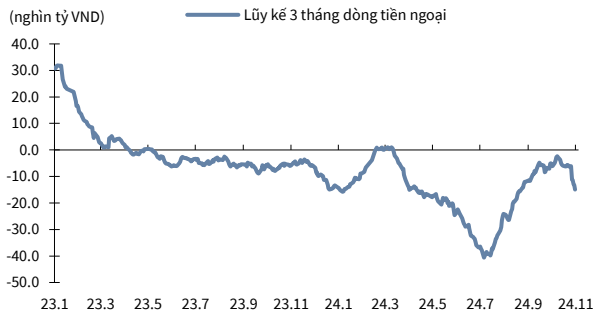
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Biến động nhóm ngành



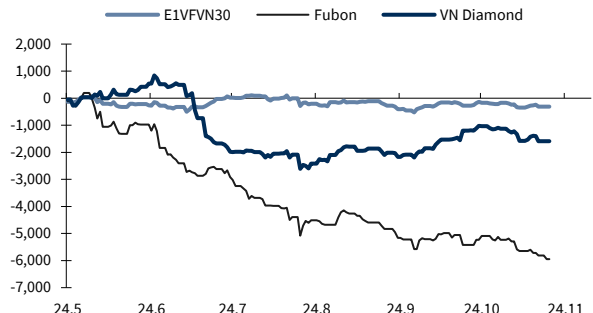
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



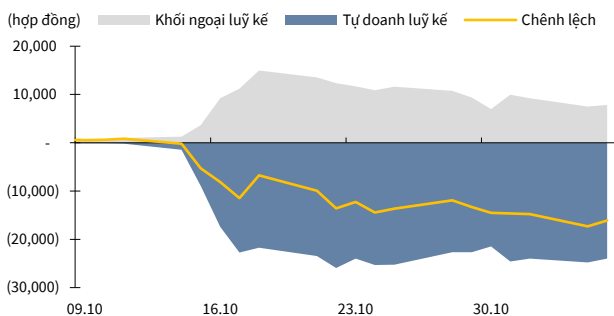
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Biến động tổng tài sản các quỹ ETF lớn



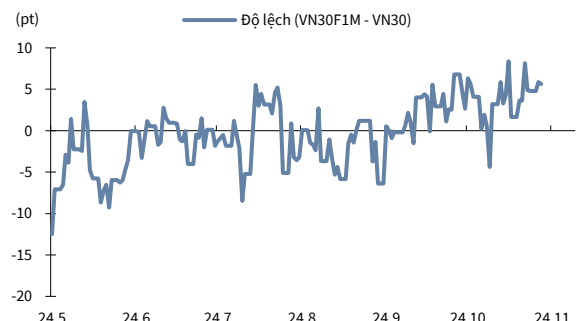
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

| Ngắn hạn<br>(Dưới 3 tháng) | Trung hạn<br>(Từ 3 đến 9 tháng) | Chỉ báo   | Nhận định xu hướng          | Hành động       |
|----------------------------|---------------------------------|-----------|-----------------------------|-----------------|
|                            |                                 | Xanh đậm  | Khả năng tăng điểm cao      | Mua mạnh        |
|                            |                                 | Xanh nhạt | Khả năng tăng điểm vừa phải | Mua từng phần   |
|                            |                                 | Vàng      | Xu hướng trung tính         | Mua/Bán trading |
|                            |                                 | Cam       | Khả năng giảm điểm vừa phải | Bán từng phần   |
|                            |                                 | Đỏ        | Khả năng giảm điểm cao      | Bán mạnh        |

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1290 (+5)

Kháng cự gần: 1270 (+5)

Hỗ trợ gần: 1230 (+5)

Hỗ trợ xa: 1200 (+10)

VNINDEX hình thành nền Doji với biên độ nhỏ, cho thấy hoạt động giao dịch toàn thị trường có phần chững lại trước thềm xảy ra các sự kiện lớn. Mặc dù độ rộng thị trường nghiêng nhiều hơn về các mã tăng, thanh khoản chỉ số sụt giảm mạnh so với phiên liền kề thể hiện phiên tăng điểm hôm nay không thực sự chắc chắn, và nhiều khả năng phản ứng bán sẽ gia tăng trở lại khi chỉ số/các mã cổ phiếu riêng lẻ đạt được nhịp hồi phục sớm trong phiên.

NGT hạn chế mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, chỉ trải lệnh giải ngân gối đầu 1 phần tỷ trọng trading khi chỉ số/cổ phiếu lui về các ngưỡng hỗ trợ xa.

# 

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| TCB | 0.0%         | 22.2%                 | 2.9               |
| EIB | 3.2%         | 3.2%                  | 1.7               |
| VPB | 0.0%         | 94.1%                 | 1.6               |
| PC1 | 0.6%         | 13.0%                 | 0.6               |
| LPB | 0.2%         | 0.5%                  | 0.4               |
| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
| TCB | 0.0%         | 22.2%                 | 67.1              |
| VPB | 0.0%         | 25.4%                 | 32.5              |
| EIB | 3.2%         | 41.0%                 | 32.4              |
| PC1 | 0.6%         | 94.1%                 | 16.3              |
| LPB | 0.2%         | 0.5%                  | 13.8              |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VGS | 0.0%         | 0.8%                  | 0.1               |
| VFS | 0.7%         | 0.4%                  | 0.1               |
| PVI | -0.8%        | 57.7%                 | 0.0               |
| LAS | -0.5%        | 0.2%                  | 0.0               |
| TVC | 7.9%         | 0.9%                  | 0.0               |
| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
| VGS | 0.0%         | 0.8%                  | 2.7               |
| VFS | 0.7%         | 27.0%                 | 1.0               |
| PVI | -0.8%        | 57.7%                 | 1.0               |
| LAS | -0.5%        | 0.2%                  | 0.4               |
| NTP | 1.1%         | 16.8%                 | 0.2               |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu       |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Cung cấp và dịch vụ thương mại  | 6.8%         | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Vận tải hàng không & Logistics  | 5.0%         | TMS, SCS, STG, ASG |
| Giấy & lâm sản                  | 1.4%         | DHC, HAP, HHP, VID |
| Bảo hiểm                        | 1.3%         | BVH, MIG, BIC, BMI |
| Đồ uống                         | 0.4%         | SAB, BHN, SMB, SCD |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu       |
| Máy móc                         | -4.6%        | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao | -3.8%        | PLX, PGC, CNG, GSP |
| Tiện ích điện                   | -3.8%        | PGV, NT2, PPC, TTA |
| Sản phẩm xây dựng               | -3.5%        | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Thực phẩm                       | -3.4%        | VNM, MSN, KDC, VHC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu       |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Vận tải hàng không & Logistics  | 11.4%        | TMS, SCS, STG, ASG |
| Cung cấp và dịch vụ thương mại  | 11.2%        | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Sản phẩm xây dựng               | 4.6%         | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Đồ gia dụng                     | 3.1%         | TTF, GDT, EVE, SAV |
| Bảo hiểm                        | 2.1%         | BVH, MIG, BIC, BMI |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu       |
| Sản phẩm xây dựng               | -11.0%       | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao | -9.9%        | PLX, PGC, CNG, GSP |
| Hàng hải                        | -5.7%        | VSC, VOS, SKG, VTO |
| Phụ tùng oto                    | -5.2%        | DRC, CSM, PAC, TNC |
| Chứng khoán                     | -5.2%        | SSI, VND, HCM, VCI |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

### Khối phân tích

research@kbsec.com.vn

### Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích

binhnx@kbsec.com.vn

### Tài chính

#### Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm

tungna@kbsec.com.vn

#### Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích

linhpp@kbsec.com.vn

### Hàng tiêu dùng

#### Nguyễn Đức Quân – Chuyên viên phân tích

quannd@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Hoàng Duy Anh – Chuyên viên phân tích

anhnhd@kbsec.com.vn

### Bất động sản

#### Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm

ngaphb@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Thị Trang – Chuyên viên phân tích

trangnt6@kbsec.com.vn

### Công nghiệp & Vật liệu

#### Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích

anhntn@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích

nguyennd1@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Chiến lược

#### Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & chiến lược

anhtd@kbsec.com.vn

#### Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích

tienss@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích

thuannd@kbsec.com.vn

### Năng lượng, Tiện ích & Công nghệ

#### Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích

hieupm@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Việt Anh – Chuyên viên phân tích

anhnv3@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

#### Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ

thonc@kbsec.com.vn

#### Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ

huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

|                   |                           |                    |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| Mua:              | Trung lập:                | Bán:               |
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

|                          |                    |                    |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Khả quan:                | Trung lập:         | Kém khả quan:      |
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.